

# THỰC TRẠNG SỬ DỤNG AI VÀ SỰ PHỤ THUỘC CỦA SINH VIÊN THUỘC LĨNH VỰC KHOA HỌC XÃ HỘI

Nguyễn Đức Tài, Lê Thị Thu Hà  
Trường Đại học Giáo dục, ĐHQGHN  
Email: ngdttai2403@vnu.edu.vn

**Tóm tắt:** Nghiên cứu này nhằm mô tả thực trạng sử dụng AI trong học tập và mức độ lệ thuộc vào AI tạo sinh của sinh viên thuộc lĩnh vực khoa học xã hội. Nghiên cứu sử dụng phương pháp định lượng với thiết kế khảo sát cắt ngang trên 309 sinh viên trong học kỳ I năm học 2025–2026. Dữ liệu được thu thập bằng bảng hỏi tự báo cáo, gồm các nội dung về tần suất sử dụng AI, công cụ AI được sử dụng, mục đích sử dụng AI trong học tập và mức độ lệ thuộc vào AI tạo sinh. Nhóm 11 mệnh đề đo lường lệ thuộc AI được xây dựng dựa trên thang Generative AI Dependency Scale của Goh, Hartanto và Majeed (2025), đạt độ tin cậy nội bộ rất cao với Cronbach's alpha = .941. Kết quả cho thấy 99,4% sinh viên đã từng sử dụng AI và 79,9% sử dụng thường xuyên hoặc hằng ngày. Sinh viên chủ yếu dùng AI để giải thích khái niệm khó, tìm kiếm tài liệu, hỗ trợ bài tập, tóm tắt, dịch thuật và tìm ý tưởng. Điểm trung bình lệ thuộc AI đạt  $M = 1.90$ ,  $SD = 0.99$  trên thang 0–4, cho thấy mức độ lệ thuộc nhìn chung chưa cao, nhưng đã xuất hiện một số dấu hiệu cần lưu ý. Kết quả gợi ý giáo dục đại học cần chú trọng phát triển năng lực sử dụng AI có trách nhiệm cho sinh viên.

**Từ khóa:** trí tuệ nhân tạo, AI tạo sinh, sinh viên, học tập đại học, phụ thuộc AI, đạo đức học thuật.

## CURRENT STATUS OF AI USAGE AND DEPENDENCE AMONG SOCIAL SCIENCE STUDENTS

**Abstract:** This study aimed to describe the current status of AI use in learning and the level of generative AI dependence among social science students. A quantitative cross-sectional survey design was employed with 309 students during the first semester of the 2025–2026 academic year. Data were collected using a self-report questionnaire covering frequency of AI use, AI tools used, purposes of AI use in learning, and generative AI dependence. The 11-item measure of AI dependence was adapted from the Generative AI Dependency Scale developed by Goh, Hartanto, and Majeed (2025), showing excellent internal consistency, with Cronbach's alpha = .941. The findings indicated that 99.4% of students had used AI, and 79.9% used it frequently or daily. Students mainly used AI to explain difficult concepts, search for learning materials, support individual assignments, summarize texts, translate materials, and generate ideas. The overall mean score for AI dependence was  $M = 1.90$ ,  $SD = 0.99$  on a 0–4 scale, suggesting that the general level of dependence was not high, although some notable signs had emerged. The findings suggest that higher education should promote students' responsible AI literacy.

**Keywords:** artificial intelligence, generative AI, university students, higher education learning, AI dependence, academic integrity.

Nhận bài: 25/04/2026

Phản biện: 22/05/2026

Duyệt đăng: 27/05/2026

### I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Từ cuối năm 2022, khi ChatGPT được công bố rộng rãi, giáo dục đại học bắt đầu đối diện với những thay đổi đáng kể trong hoạt động học tập và đánh giá. Theo Freeman (2025), tỷ lệ sinh viên sử dụng công cụ AI tăng từ 66% năm 2024 lên 92% năm 2025; các mục đích phổ biến bao gồm tạo văn bản, chỉnh sửa bài viết, giải thích khái niệm, tóm tắt tài liệu và gợi ý ý tưởng nghiên cứu. Black và Tomlinson (2025) cũng cho thấy sinh viên sử dụng AI cho cả nhiệm vụ viết bậc cao như phát triển lập luận, tìm bằng chứng, hiểu chủ đề phức tạp, cũng như nhiệm vụ viết bậc thấp như chỉnh sửa, biên tập và đọc soát lỗi. Những kết quả này phản ánh rằng AI đã đi vào các nhiệm vụ học thuật thường ngày của sinh viên.

Tuy nhiên, khi AI được tích hợp sâu vào quá trình học tập, vấn đề không chỉ nằm ở tần suất sử dụng, mà còn ở mức độ sinh viên dựa vào AI.

Stojanov và cộng sự (2024) phát hiện một nhóm sinh viên có xu hướng sử dụng ChatGPT để soạn thảo bài tập hoặc tạo sản phẩm học thuật thay cho nỗ lực cá nhân. Tian và Zhang (2025) cũng phát hiện phụ thuộc AI có liên quan tiêu cực đến tư duy phản biện của sinh viên. Các phát hiện này gợi ý rằng AI có thể tác động tiêu cực nếu người học sử dụng nó để thay thế cho quá trình tự đọc, tự phân tích, kiểm chứng thông tin và hình thành lập luận.

Trong bối cảnh Việt Nam, AI cũng đang được sinh viên khai thác ngày càng nhiều trong học tập. Phạm và Đặng (2025) cho thấy giảng viên và sinh viên đều nhìn nhận AI là công cụ hữu ích trong các hoạt động như luyện tập ngôn ngữ, cung cấp phản hồi, tăng động lực học tập và hỗ trợ kiểm tra, đánh giá. Điều này cho thấy việc sử dụng AI của sinh viên không chỉ là hiện tượng công nghệ, mà còn là vấn đề giáo dục, bởi nó liên quan đến cách

người học tiếp cận tài liệu, hình thành ý tưởng, rèn luyện kỹ năng và sử dụng công nghệ một cách có trách nhiệm.

Nghiên cứu này được thực hiện nhằm mô tả thói quen sử dụng AI và những lo ngại về rủi ro phụ thuộc khi sử dụng AI trong học tập của sinh viên. Nghiên cứu tập trung vào ba nhóm vấn đề: tần suất, mục đích sử dụng AI trong học tập và mức độ lệ thuộc khi sử dụng AI.

## II. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

### 2.1. Cơ sở lý luận

#### 2.1.1. Trí tuệ nhân tạo và AI tạo sinh trong học tập đại học

Theo Sheikh, Prins và Schrijvers (2023), Trí tuệ nhân tạo (Artificial Intelligence - AI) có thể được hiểu là các hệ thống thể hiện hành vi thông minh thông qua việc phân tích môi trường xung quanh và thực hiện hành động với một mức độ tự chủ nhất định nhằm đạt được các mục tiêu cụ thể. AI tạo sinh có thể được hiểu là công nghệ AI có khả năng tự động tạo ra nội dung mới dựa trên câu lệnh hoặc yêu cầu của người dùng, bao gồm văn bản, hình ảnh, video, âm nhạc và mã nguồn phần mềm (UNESCO, 2025). Khác với công cụ tìm kiếm truyền thống chủ yếu cung cấp đường dẫn đến nguồn thông tin, AI tạo sinh có thể trực tiếp tạo ra câu trả lời, bản tóm tắt, dàn ý, đoạn văn, câu hỏi, ý tưởng hoặc phản hồi học thuật. Chính đặc điểm này khiến các công cụ AI tạo sinh trở nên hấp dẫn đối với người sử dụng.

#### 2.1.2. Cơ hội và rủi ro khi sử dụng AI trong học tập

Việc sử dụng AI trong học tập đại học mở ra nhiều cơ hội cho sinh viên. Christ-Brendemühl (2025) cho rằng AI tạo sinh có thể hỗ trợ học tập cá nhân hóa, tăng khả năng tiếp cận, nâng cao tính linh hoạt và hiệu quả trong giáo dục đại học. Khi được sử dụng phù hợp, AI có thể đóng vai trò như một công cụ hỗ trợ nhận thức, giúp sinh viên có điểm khởi đầu để phát triển ý tưởng, kiểm tra mức độ hiểu bài, so sánh các cách diễn giải hoặc nhận phản hồi cho bản nháp. Kim và cộng sự (2025) cũng cho thấy sinh viên nhìn nhận AI tạo sinh là công cụ dễ sử dụng, có thể hỗ trợ hiệu quả học tập, tăng năng suất và giúp hoàn thành nhiệm vụ học tập nhanh hơn. Vì vậy, giá trị của AI trong học tập không nằm ở việc thay thế quá trình học, mà ở khả năng hỗ trợ sinh viên mở rộng tư duy, cải thiện sản phẩm học thuật và tăng tính tự chủ trong học tập.

Tuy nhiên, việc sử dụng AI cũng đi kèm với nhiều rủi ro. Rủi ro thứ nhất là sai lệch thông tin,

bởi AI có thể tạo ra câu trả lời nghe hợp lý nhưng không chính xác, sử dụng dữ liệu lỗi thời, diễn giải sai vấn đề hoặc tạo ra trích dẫn không tồn tại. Nếu sinh viên tiếp nhận nội dung do AI tạo ra mà không kiểm chứng, người học có thể hiểu sai kiến thức hoặc sử dụng thông tin thiếu tin cậy trong bài làm. Rủi ro thứ hai là lệ thuộc nhận thức. Kim và cộng sự (2025) cũng chỉ ra rằng cả sinh viên và giảng viên đều lo ngại AI tạo sinh có thể ảnh hưởng tiêu cực đến các năng lực học tập quan trọng như tư duy phản biện, giải quyết vấn đề, động lực học tập và sự tham gia của sinh viên. Rủi ro thứ ba liên quan đến liêm chính học thuật. Bittle và El-Gayar (2025) nhấn mạnh rằng AI tạo sinh vừa có thể nâng cao hiệu quả học tập, vừa đặt ra nguy cơ nghiêm trọng đối với trung thực học thuật. Vì vậy, AI không nên được nhìn nhận đơn giản như một công cụ cần cấm đoán hay một giải pháp thay thế việc học.

### 2.2. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu được thiết kế theo hướng định lượng, sử dụng phương pháp khảo sát cắt ngang nhằm mô tả thực trạng sử dụng AI và mức độ lệ thuộc cảm nhận vào AI tạo sinh của sinh viên. Dữ liệu được thu thập bằng bảng hỏi tự báo cáo trong học kỳ I năm học 2025–2026. Bảng hỏi gồm bốn nhóm nội dung chính: tần suất sử dụng AI, các công cụ AI đã sử dụng, mục đích sử dụng AI trong học tập và mức độ lệ thuộc vào AI tạo sinh.

Mẫu nghiên cứu gồm 309 sinh viên thuộc lĩnh vực khoa học xã hội. Trong đó, nữ chiếm 76,4%, nam chiếm 23,0% và nhóm khác chiếm 0,6%. Về năm học, sinh viên năm nhất chiếm tỷ lệ cao nhất với 46,9%, tiếp theo là sinh viên năm hai với 33,3%, sinh viên năm ba chiếm 9,1%, sinh viên năm tư chiếm 8,7% và nhóm khác chiếm 1,9%.

Về công cụ khảo sát, các câu hỏi về tần suất, công cụ và mục đích sử dụng AI được xây dựng nhằm mô tả hành vi sử dụng AI của sinh viên trong học tập. Nhóm mục đích sử dụng AI được đo bằng thang tần suất 5 mức, từ “không bao giờ” đến “luôn luôn”. Riêng nhóm câu hỏi về mức độ lệ thuộc vào AI tạo sinh gồm 11 mệnh đề, được xây dựng dựa trên thang Generative AI Dependency Scale của Goh, Hartanto và Majeed (2025), bao gồm ba thành phần: bận tâm nhận thức, hệ quả tiêu cực và cảm giác khó chịu khi không thể sử dụng AI. Thang đo được đánh giá theo thang Likert 5 mức, từ “hoàn toàn không đồng ý” đến “hoàn toàn đồng ý”, sau đó được mã hóa theo thang điểm 0–4; điểm càng cao phản ánh mức độ

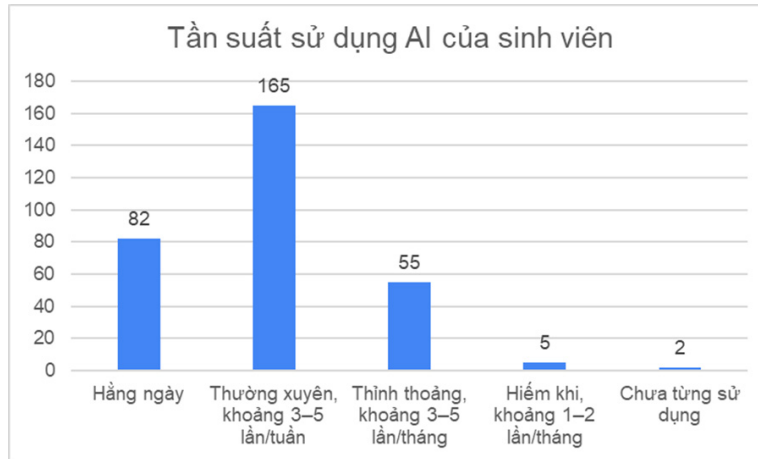
lệ thuộc AI càng lớn. Kết quả kiểm định độ tin cậy nội bộ cho thấy nhóm 11 mệnh đề đạt Cronbach's alpha = .941.

Dữ liệu được xử lý bằng thống kê mô tả, bao gồm tần suất, tỷ lệ phần trăm, điểm trung bình và độ lệch chuẩn. Do thang đo chưa có chuẩn hóa

điểm cắt, nghiên cứu không phân loại mức “cao”, “trung bình”, “thấp”, mà diễn giải kết quả dựa trên xu hướng tương đối giữa các mục và tỷ lệ lựa chọn ở các mức đồng ý hoặc tần suất cao.

### 2.3. Kết quả nghiên cứu

#### 2.3.1. Tần suất sử dụng AI của sinh viên

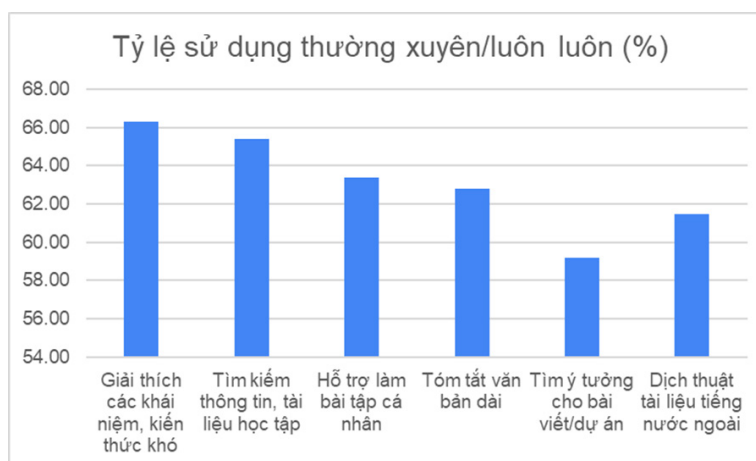


Kết quả khảo sát cho thấy AI đã trở thành công cụ phổ biến trong học tập của sinh viên. Trong tổng số 309 người tham gia, chỉ có 2 sinh viên cho biết chưa từng sử dụng AI, tương đương 0,6%. Như vậy, 99,4% sinh viên trong mẫu đã từng sử dụng AI trong học kỳ I năm học 2025–2026. Tỷ lệ này cho thấy AI không còn là công cụ mới lạ, mà đã trở thành một phần quen thuộc trong môi trường học tập đại học.

Về tần suất sử dụng, 53,4% sinh viên cho biết sử dụng AI thường xuyên, khoảng 3–5 lần/tuần; 26,5% sử dụng hàng ngày; 17,8% sử dụng thỉnh

thoảng, khoảng 3–5 lần/tháng; 1,6% hiếm khi sử dụng, khoảng 1–2 lần/tháng; và 0,6% chưa từng sử dụng. Nếu gộp hai nhóm “thường xuyên” và “hàng ngày”, có tới 79,9% sinh viên sử dụng AI ở mức hàng tuần hoặc hàng ngày. Kết quả này cho thấy AI đã được tích hợp vào nhịp học tập thường xuyên của phần lớn sinh viên, thay vì chỉ được sử dụng trong các tình huống đặc biệt như làm tiểu luận, chuẩn bị thuyết trình hoặc ôn thi. Khi đặt trong bối cảnh quốc tế, tỷ lệ này tương đồng với xu hướng sử dụng AI ngày càng phổ biến trong giáo dục đại học.

#### 2.3.2. Mục đích sử dụng AI trong học tập



Kết quả khảo sát cho thấy sinh viên sử dụng AI cho nhiều mục đích học tập khác nhau. Trong 12 mục đích được khảo sát, điểm trung bình chung đạt M = 3,56 trên thang 5 điểm, cho thấy mức độ sử dụng AI cho các nhiệm vụ học tập nhìn chung nằm trên mức thỉnh thoảng và tiệm cận thường

xuyên.

Ba mục đích có điểm trung bình cao nhất gồm: “giải thích các khái niệm, kiến thức khó” (M = 3,74; SD = 0,87), “tìm kiếm thông tin, tài liệu học tập” (M = 3,73; SD = 0,83) và “hỗ trợ làm bài tập cá nhân” (M = 3,71; SD = 0,81). Tỷ lệ sinh viên

sử dụng AI thường xuyên hoặc luôn luôn cho ba mục đích này lần lượt là 66,3%, 65,4% và 63,4%. Kết quả này cho thấy AI đã trở thành công cụ hỗ trợ trực tiếp trong quá trình học tập, đặc biệt ở các nhiệm vụ liên quan đến hiểu bài, tìm kiếm thông tin và hoàn thành bài tập.

Bên cạnh đó, sinh viên cũng sử dụng AI ở mức tương đối cao cho các hoạt động như tóm tắt văn bản dài ( $M = 3,69$ ), tìm ý tưởng cho bài viết hoặc dự án ( $M = 3,68$ ), dịch thuật tài liệu tiếng nước ngoài ( $M = 3,63$ ), tìm tài liệu nghiên cứu khoa học ( $M = 3,51$ ), giả định tình huống để thực hành kiến thức đã học ( $M = 3,51$ ), hỗ trợ làm tiểu luận hoặc khóa luận ( $M = 3,48$ ), và diễn đạt lại hoặc viết đoạn văn ( $M = 3,46$ ). Nhìn chung, AI đang hỗ trợ sinh viên ở cả ba nhóm hoạt động: tiếp nhận tri thức, xử lý tri thức và tạo lập sản phẩm học tập.

### 2.3.3 Mức độ phụ thuộc vào AI

Kết quả phân tích cho thấy điểm trung bình chung của nhóm 11 mệnh đề đo lường mức độ lệ thuộc vào AI tạo sinh đạt  $M = 1,90$ ,  $SD = 0,99$  trên thang điểm 0–4. Mức điểm này thấp hơn nhẹ so với điểm trung vị lý thuyết là 2,00, cho thấy mức độ lệ thuộc AI trong mẫu nghiên cứu nhìn chung chưa cao, nhưng vẫn xuất hiện một số dấu hiệu cần lưu ý.

Khi xem xét theo ba thành phần của thang đo, nhóm “hệ quả tiêu cực” có điểm trung bình cao nhất ( $M = 2,15$ ,  $SD = 1,00$ ), tiếp đến là “bận tâm nhận thức” ( $M = 1,82$ ,  $SD = 1,05$ ), trong khi “cảm giác khó chịu khi không thể sử dụng AI” có điểm trung bình thấp nhất ( $M = 1,72$ ,  $SD = 1,22$ ). Ở cấp độ từng mệnh đề, các nội dung có điểm trung bình cao hơn gồm: lo ngại về thói quen sử dụng AI ( $M = 2,39$ ), cảm nhận AI làm suy giảm khả năng giải quyết vấn đề hoặc hiệu suất làm việc ( $M = 2,28$ ), khó hoàn thành nhiệm vụ nếu không có AI ( $M = 2,26$ ), và thường tìm đến AI trước khi đưa ra quyết định ( $M = 2,21$ ).

Nhìn chung, kết quả cho thấy lệ thuộc AI trong nghiên cứu này biểu hiện nhiều hơn ở dạng phụ thuộc học tập/công việc và nhận thức, thay vì phản ứng cảm xúc mạnh khi bị hạn chế tiếp cận AI. Phát hiện này phù hợp với cách tiếp cận của Goh et al. (2025), khi lệ thuộc AI tạo sinh không chỉ được hiểu là tần suất sử dụng cao, mà còn bao gồm bận tâm nhận thức, hệ quả tiêu cực và cảm giác khó chịu khi không thể sử dụng AI.

## 2.4. Thảo luận

Kết quả nghiên cứu cho thấy thực trạng sử dụng AI của sinh viên có ba đặc điểm nổi bật. Thứ nhất, AI đã trở thành công cụ học tập phổ biến với tần suất sử dụng cao. Tỷ lệ 99,4% sinh viên đã từng sử dụng AI và 79,9% sử dụng thường xuyên hoặc hằng ngày cho thấy AI không còn là hiện tượng mới nổi, mà đã được tích hợp vào hành vi học tập thường nhật. Điều này đặt ra yêu cầu các trường đại học cần thay đổi cách tiếp cận: thay vì xem AI là yếu tố bên ngoài cần kiểm soát thụ động, cần nhìn nhận AI như một phần của môi trường học tập số và xây dựng chính sách sử dụng phù hợp.

Thứ hai, sinh viên sử dụng AI chủ yếu cho các nhiệm vụ hỗ trợ học tập như giải thích khái niệm khó, tìm kiếm thông tin, làm bài tập cá nhân, tóm tắt văn bản, dịch thuật và tìm ý tưởng. Điều này cho thấy AI đang đáp ứng những nhu cầu học tập rất cụ thể của sinh viên. Việc dùng AI để giải thích một khái niệm hoặc gợi ý cách triển khai có thể hỗ trợ quá trình hiểu bài; ngược lại, việc dùng AI để tạo toàn bộ sản phẩm học thuật có thể làm suy yếu năng lực đọc, viết, lập luận và tự học. Vì vậy, vấn đề không nằm ở bản thân hành vi sử dụng AI, mà ở mục đích, mức độ, cách kiểm chứng và sự minh bạch khi sử dụng.

Thứ ba, dữ liệu cho thấy sinh viên vừa có xu hướng sử dụng AI thường xuyên, vừa xuất hiện những lo ngại về thói quen sử dụng và nguy cơ lệ thuộc. Một số mệnh đề liên quan đến lo ngại, khó khăn khi không có AI và cảm nhận suy giảm khả năng giải quyết vấn đề cho thấy một bộ phận sinh viên đang trải nghiệm trạng thái hai mặt: vừa thấy AI hữu ích, vừa bất an trước mức độ phụ thuộc vào nó. Kết quả này tương đồng với các cảnh báo trong tài liệu quốc tế về AI tạo sinh trong giáo dục đại học, đặc biệt ở các vấn đề liên quan đến liêm chính học thuật và mức độ đóng góp thực sự của người học (Bittle & El-Gayar, 2025). Vấn đề cốt lõi là sinh viên cần được hướng dẫn để phân biệt giữa việc dùng AI nhằm hỗ trợ quá trình học và việc dùng AI để thay thế quá trình học.

## III. KẾT LUẬN

Nghiên cứu trên 309 sinh viên cho thấy AI đã trở thành công cụ học tập phổ biến với tỷ lệ sử dụng rất cao. Phần lớn sinh viên đã từng sử dụng AI, trong đó gần 80% sử dụng thường xuyên hoặc hằng ngày. Sinh viên sử dụng AI chủ yếu để giải thích kiến thức khó, tìm kiếm tài liệu, hỗ trợ làm bài tập, tóm tắt văn bản, dịch thuật và tìm ý

tương. Những kết quả này cho thấy AI đang đáp ứng nhiều nhu cầu học tập quan trọng trong giáo dục đại học.

Tuy nhiên, bên cạnh lợi ích, dữ liệu cũng ghi nhận những dấu hiệu cần quan tâm về lệ thuộc cảm nhận và lo ngại của sinh viên. Một nửa sinh viên cho biết họ lo ngại về thói quen sử dụng AI, cảm nhận AI có thể làm suy giảm khả năng giải quyết vấn đề hoặc gặp khó khăn khi hoàn thành nhiệm vụ nếu không có AI. Dù vậy, ý định tiếp tục sử dụng AI vẫn ở mức cao, đồng thời sinh viên có nhu cầu rõ rệt về việc được tích hợp kiến thức và

kỹ năng AI vào chương trình đào tạo.

Từ đó, có thể kết luận rằng vấn đề trọng tâm của giáo dục đại học hiện nay không phải là ngăn cấm hay khuyến khích AI một cách tuyệt đối, mà là xây dựng năng lực sử dụng AI có trách nhiệm. AI cần được định vị như một công cụ hỗ trợ học tập, không phải công cụ thay thế tư duy. Để đạt được điều này, nhà trường cần có chính sách minh bạch, giảng viên cần điều chỉnh phương pháp đánh giá và sinh viên cần được trang bị năng lực AI, tư duy phản biện, kỹ năng kiểm chứng thông tin và ý thức liên chính học thuật.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Bittle, K., & El-Gayar, O. (2025). Generative AI and academic integrity in higher education: A systematic review and research agenda. *Information*, 16 (4), 296.
- Black, R. W., & Tomlinson, B. (2025). University students describe how they adopt AI for writing and research in a general education course. *Scientific Reports*, 15, 8799. <https://doi.org/10.1038/s41598-025-92937-2>
- Christ-Brendemühl, S. (2025). Leveraging generative AI in higher education: An analysis of opportunities and challenges addressed in university guidelines. *European Journal of Education*, 60(1), e12891.
- Freeman, J. (2025). Student generative AI survey 2025. Higher Education Policy Institute.
- Kim, J., Klopfer, M., Grohs, J. R., Eldardiry, H., Weichert, J., Cox, L. A., & Pike, D. (2025). Examining faculty and student perceptions of generative AI in university courses. *Innovative Higher Education*, 50(4), 1281–1313.
- Phạm, T. N., & Đặng, T. X. (2025). An investigation into the application of artificial intelligence for language teaching and learning in Vietnam. *Vietnam Journal of Education*, 9(2), 265–283. <https://doi.org/10.52296/vje.2025.485>
- Sheikh, H., Prins, C., & Schrijvers, E. (2023). Artificial intelligence: Definition and background. In *Mission AI: The new system technology* (pp. 15–40). Springer. [https://doi.org/10.1007/978-3-031-21448-6\\_2](https://doi.org/10.1007/978-3-031-21448-6_2)
- UNESCO. (2025). Hướng dẫn về AI tạo sinh trong giáo dục và nghiên cứu (T. S. Ngô Di Lân, Trans.; N. V. Giang, Ed.). Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hoá của Liên Hợp Quốc. <https://doi.org/10.54675/KMQF4065>
- Stojanov, A., Liu, Q., & Koh, J. H. L. (2024). University students' self-reported reliance on ChatGPT for learning: A latent profile analysis. *Computers and Education: Artificial Intelligence*, 6, Article 100243. <https://doi.org/10.1016/j.caeai.2024.100243>
- Tian, J., & Zhang, R. (2025). Learners' AI dependence and critical thinking: The psychological mechanism of fatigue and the social buffering role of AI literacy. *Acta Psychologica*, 260, Article 105725. <https://doi.org/10.1016/j.actpsy.2025.105725>
- Goh, A. Y. H., Hartanto, A., & Majeed, N. M. (2025). Generative artificial intelligence dependency: Scale development, validation, and its motivational, behavioral, and psychological correlates. *Computers in Human Behavior Reports*, 20, 100845. <https://doi.org/10.1016/j.chbr.2025.100845>